TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2022/HS-ST
Ngày: 08-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

2. Bà Trần Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 136/2022/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị R, sinh ngày 25/6/1997, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: R12, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973 và bà Trần Thị B, sinh năm 1974; có chồng là Lê Văn T1, sinh năm 1993 và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 25/4/2022 bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (Quyết định số: 0001458). Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Ben), sinh ngày 23/6/1999, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 15, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Phòng 313, chung cư H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và bà Lê Thị B, sinh năm 1975; có chồng là Lê Trần Văn B1, sinh năm

1999 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2022 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Chị Tăng Thị Lệ Q, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 4/38 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị B, sinh năm 1974; Nơi cư trú: R12, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: R12, xã P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị R1, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Phòng 202 chung cư H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1967; Nơi cư trú: 251 P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 26/02/2022, do có ý định trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân, nên Nguyễn Thị R và Nguyễn Thị T gặp nhau tại khu chung cư H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại đây, R và T thống nhất sáng ngày 27/02/2022 cùng nhau đi đến các khu chợ trên địa bàn thành phố H để trộm cắp tài sản.

Thực hiện ý định trên, khoảng 8 giờ 10 phút ngày 27/02/2022, Nguyễn Thị R mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda - Vision biển kiểm soát 75F1-162.30 của bà Trần Thị B (mẹ của R) đến khu chung cư H chở Nguyễn Thị T cùng đi. Khoảng 9 giờ 00 phút cùng ngày, R và T đi đến phía trước chợ A, phường P, thành phố H. Sau đó, R để xe mô tô trước cửa hàng bán thuốc tây Mạnh Tý, rồi cả hai cùng nhau đi vào trong chợ A quan sát thấy ai sở hở để trộm cắp tài sản.

Sau khi đi vào chợ, R và T quan sát thấy chị Tăng Thị Lệ Q, sinh năm 1978; trú tại: 4/38 H, phường A, thành phố H đang lấy tiền trong túi xách mang trên người ra để trả tiền khi mua hàng, R liền áp sát chị Q, còn T đứng phía sau lưng của R. Lợi dụng sơ hở của chị Q sau khi trả tiền chưa kịp khóa túi xách, R lén lút thò tay vào lấy một lốc (xấp) tiền trong túi xách của chị Q, rồi đưa tiền ra phía sau cho T, T cầm lấy tiền vừa trộm được đi ra khỏi chợ An Cựu đứng chờ R. Còn R sau khi thực hiện hành vi trộm cắp thì bị chị Q phát hiện và cùng với người dân bắt giữ R rồi báo cho Cơ quan Công an.

Nguyễn Thị T, sau khi đi ra khỏi chợ đứng chờ R, một lúc sau thì T biết R đã bị bắt, nên T bắt xe thồ đi đến khu vực siêu thị Copmart. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày T điện thoại cho Nguyễn Thị R1, sinh năm 1999; trú tại Tổ

16, phường H, thành phố H là em gái ruột của R, nói về gặp T tại khu vực siêu thị Copmart, thành phố H. Nghe vậy, R1 đi đến gặp T, T đưa số tiền trộm được cho R1 và nói với R1 đi về lấy xe mô tô 75F1-162.30 cho R đang để trước cửa hàng thuốc tây Mạnh Tý (khi T đưa tiền cho R1 không nói cho R1 biết về nguồn gốc tiền do đâu mà có, T chỉ nói là tiền của R nhờ giữ giúp). Sau đó, R1 đi về lấy xe mô tô cho R, rồi đi về gặp T tại khu chung cư H, thành phố H. Lúc này, T nói với R1 đưa lại số tiền mà T và R đã trộm được trước đó rồi T đếm được tổng cộng 7.450.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*)*. Sau khi bị phát hiện, thì T đã đem số tiền trên giao nộp cho Cơ quan Công an.

Về số tiền bị chiếm đoạt, quá trình điều tra, bị hại là chị Tăng Thị Lê Q khai báo chị bị chiếm đoạt số tiền là 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Nhưng các bị cáo khai nhận số tiền chiếm đoạt trong túi xách của chị Q là 7.450.000 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ không có đủ cơ sở để kết luận số tiền mà Nguyễn Thị R và Nguyễn Thị T chiếm đoạt như chị Q đã khai báo là 14.500.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ gồm:

- Tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành 7.450.000 đồng *(Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*;

- 01 (một) xe môtô, nhãn hiệu Honda - Vision biển kiểm soát 75F1-162.30, (Xe đã qua sử dụng);

- 01 (một) mũ bảo hiểm dạng lưỡi trai, có dòng chữ Versace bằng nhựa màu đen;

- 01 (một) áo mưa màu xanh lá cây;

- Tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành 3.730.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số 148/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị R và Nguyễn Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị R; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị R từ 09 tháng đến 10 tháng tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 08 tháng đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị giao lại cho Cơ quan điều tra Công an thành phố H 01 (một) xe

môtô, nhãn hiệu Honda - Vision biển kiểm soát 75F1-162.30, (Xe đã qua sử dụng);

Đề nghị trả lại cho chủ sở hữu:

- 01 (một) mũ bảo hiểm dạng lưỡi trai, có dòng chữ Versace bằng nhựa màu đen;

- 01 (một) áo mưa màu xanh lá cây;

- Tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành 3.730.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị T hỗ trợ cho chị Q 4.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị R hỗ trợ cho chị Q số tiền là 3.050.000 đồng.

Ý kiến của các bị cáo và lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vào khoảng 9 giờ 00 phút ngày 27/02/2022, tại chợ A, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Nguyễn Thị R và Nguyễn Thị T đã lợi dụng sơ hở, lén lút trộm cắp của chị Tăng Thị Lệ Q số tiền 7.450.000 đồng *(Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nên đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn. Các bị

cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét vai trò của các bị cáo thấy rằng, bị cáo Nguyễn Thị R là người khởi xướng, giữ vai trò chính và là người thực hành tích cực, đồng thời bị cáo có nhân thân xấu, ngày 25/4/2022 bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cần xét cho bị cáo là quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại là chị Tăng Thị Lệ Q xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị T là đồng phạm với vai trò giúp sức, nên chịu trách nhiệm sau bị cáo R và cần xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi bị phát hiện đã tự nguyện nộp lại số tiền đã chiếm đoạt và tự nguyện thỏa thuận hỗ trợ thêm cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng; bị hại là chị Tăng Thị Lệ Q xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Do các bị cáo có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Đối với Nguyễn Thị R1 là người đã được Nguyễn Thị T nhờ cất giữ số tiến 7.450.000 mà bị cáo R và T trộm được mà có. Tuy nhiên, trước đó R1 không có hứa hẹn với T và R và tại thời điểm R1 nhận cất giữ số tiền T đưa, R1 hoàn toàn không biết đây là số tiền do T và R trộm cắp mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với bà Trần Thị B là người đã cho bị cáo Nguyễn Thị R mượn xe mô tô, nhãn hiệu Honda - Vision biển kiểm soát 75F1-162.30 nhưng khi cho mượn xe, bà B không biết R sử dụng xe làm phương tiện để đi thực hiện hành vi phạm tội. Nên không có cở sở để xử lý đối với bà B theo quy định của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Tăng Thị Lê Q số tiền 7.450.000 đồng *(Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*.

- Đối với 01 (một) xe môtô, nhãn hiệu Honda - Vision biển kiểm soát 75F1-162.30 (Xe đã qua sử dụng) đứng tên Nguyễn Thị Kim C, do bà Trần Thị B mua lại hiện nay đã bị thất lạc giấy tờ mua bán nên chưa sang tên. Việc bị cáo R mượn đi, tuy nhiên bà B không biết bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên trả lại cho bà B.

- Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm dạng lưỡi trai, có dòng chữ Versace bằng nhựa màu đen và 01 (một) áo mưa màu xanh lá cây của bị cáo R, đây là tài sản cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo R.

- Đối với số tiền 3.730.000 đồng (Ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) quá trình điều tra thể hiện đây là số tiền do R bán lắc vàng mà có, nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền này để hỗ trợ cho bị hại nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Tăng Thị Lệ Q đã nhận lại số tiền 7.450.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại là chị Tăng Thị Lệ Q và các bị cáo, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thị T hỗ trợ cho chị Q 4.000.000 đồng, bị cáo T đã giao đủ. Bị cáo Nguyễn Thị R hỗ trợ cho chị Q số tiền là 3.050.000 đồng. Bị cáo R đề nghị lấy trong số tiền là 3.730.000 đồng hiện đang tạm giữ của bị cáo để hỗ trợ cho chị Q.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị R và bị cáo Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Ben) phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị R.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị R 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Hơ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bà Trần Thị B 01 (một) xe môtô, nhãn hiệu Honda - Vision biển kiểm soát 75F1-162.30 (Xe đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị R 01 (một) mũ bảo hiểm dạng lưỡi trai, có dòng chữ Versace bằng nhựa màu đen và 01 (một) áo mưa màu xanh lá cây.

Các vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, ngày 31/5/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị R số tiền 3.730.000 đồng (Ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) đang được gửi giữ tại tài khoản số 394901054597 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, theo chứng từ giao dịch ngày 31/5/2022. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ số tiền 3.730.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là chị Tăng Thị Lệ Q đã nhận lại số tiền bị mất 7.450.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại là chị Tăng Thị Lệ Q và các bị cáo, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thị T hỗ trợ cho chị Q số tiền là 4.000.000 đồng, bị cáo T đã giao đủ. Bị cáo Nguyễn Thị R hỗ trợ cho chị Q số tiền là 3.050.000 đồng, do bị cáo R chưa giao tiền cho chị Q nên số tiền này được khấu trừ vào số tiền là 3.730.000 đồng của bị cáo đã được gửi giữ tại tài khoản số 394901054597 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, theo chứng từ giao dịch ngày 31/5/2022.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị R và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND tỉnh TT. Huế;
- Sở Tư pháp TT. Huế;
- PV06 CA tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CA thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh